

**TAND HUYỆN LỤC NAM**  
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 85A/2021/QĐST-HNGĐ

*Lục Nam, ngày 12 tháng 04 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ vào Điều 147; 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 59; 62 của Luật Hôn nhân và gia đình ;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 390/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020.

**NHẬN THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản chung:

- Giao cho ông Nguyễn Văn B quản lý, sử dụng 287.5m<sup>2</sup> đất, trong đó 180m<sup>2</sup> là đất ở; 107.5m<sup>2</sup> là đất vườn. Các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đường bê

tông, từ điểm 1 đến điểm 2 dài 34,5m; phía Tây giáp nương từ điểm 9 đến điểm 10 dài 0,46m, từ điểm 10 đến điểm 11 dài 0,58m, điểm 11 đến điểm 12 dài 8,36m, giáp đường đất từ điểm 8 đến điểm 9 dài 3,23m; phía Bắc giáp đất nhà ông Tuấn từ điểm 12 đến điểm 13 dài 13,52m, từ điểm 13 đến điểm 1 dài 7,98m; phía Nam giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị A quản lý, sử dụng từ điểm 2 đến điểm 8 dài 23,61m. Diện tích đất giao cho ông B quản lý, sử dụng thuộc tờ bản đồ số 16, thửa số 45, nằm trong tổng diện tích đất 626m<sup>2</sup>, tại thôn C, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/12/2002 mang tên hộ ông Nguyễn Văn B.

Ông Nguyễn Văn B được sở hữu toàn bộ các tài sản, cây cối, hoa màu, lâm lộc trên đất gồm: Nhà ở cấp 3 loại 2, diện tích là 122.72m<sup>2</sup> xây dựng năm 2005; nhà bếp loại A, diện tích 18.24m<sup>2</sup>; công trình phụ loại A, diện tích 13.298m<sup>2</sup>,...trên diện tích đất được giao quản lý, sử dụng.

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn Văn B được chia là: 341.526.000đ (ba trăm bốn mươi một triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Giao cho bà Nguyễn Thị A quản lý, sử dụng 338.5m<sup>2</sup> đất, trong đó 180m<sup>2</sup> là đất ở; 158.5m<sup>2</sup> là đất vườn. Các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đường bê tông từ điểm 2 đến điểm 3 dài 16,36m; phía Tây giáp đường đất từ điểm 7 đến điểm 8 dài 9,19m, giáp nương từ điểm 5 đến điểm 6 dài 0,47m, giáp đất ông Việt từ điểm 4 đến điểm 5 dài 0,39m; phía Bắc giáp đất giao cho ông Nguyễn Văn B quản lý, sử dụng từ điểm 2 đến điểm 8 dài 23,61m; phía Nam giáp nương từ điểm 6 đến điểm 7 dài 14,94m, giáp đất nhà ông Dậy từ điểm 3 đến điểm 4 dài 14,28m. Diện tích đất giao cho bà A quản lý, sử dụng thuộc tờ bản đồ số 16, thửa số 45, nằm trong tổng diện tích đất 626m<sup>2</sup>, tại thôn C, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/12/2002 mang tên hộ ông Nguyễn Văn B. Bà Nguyễn Thị A được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản, cây cối, hoa màu, lâm lộc trên diện tích đất được giao quản lý, sử dụng.

Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị A được chia là: 168.125.000 (một trăm sáu mươi tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn B không yêu cầu giải quyết về giá trị tài sản (số tiền) được chia chệnh lệnh nên không đặt ra xem xét.

2.2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn B phải chịu 6.500.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Bà Nguyễn Thị A đã nộp đủ số tiền trên. Bà A không yêu cầu ông B phải hoàn trả một phần số tiền trên nên không đặt ra xem xét.

2.3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A tự nguyện chịu cả 12.741.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trừ số tiền 8.500.000đ bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004967 ngày 07/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Bà A còn phải chịu 4.241.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật Thi hành án dân sự](#) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã Đ;
- CCTHADS huyện Lục Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Huân**